

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-PT

Ngày: 12/4/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng thế chấp tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu

Bà Phạm Thị Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quế Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLPT-KDTM, ngày 01 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2020/KDTM-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: QHT

Địa chỉ: đường V, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm CB** – Giám đốc QHT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn XH**, sinh năm 1952

Địa chỉ: thôn T, phường D, quận Đ, thành phố Hà Nội. (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 1278/2019/HĐTPHTX, ngày 23/11/2019).

2. Bị đơn: HTX

Địa chỉ: đường MTN, Phường M, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **B** – Giám đốc HTX. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **H** – Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. **HTX.TK**

Địa chỉ: Đường BTH, Phường M, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đ** – Giám đốc HTX.TK. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Đ**, sinh năm 1963

Địa chỉ: khóm A, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2019). (có mặt)

3.2. Ông **K**, sinh năm 1962

Địa chỉ: đường V, Phường M, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

3.3. Bà **H**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khóm S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

3.4. Chị **CH**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khóm B, đường P, Phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

3.5. Chị **HH**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3.6. Anh **QH**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường P, Phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

3.7. Bà **N**, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của H, CH, HH, QH, N:

Bà **M**, sinh năm 1965

Địa chỉ: đường K, phường G, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 11/02/2020, ngày 25/02/2020, ngày 25/6/2020).

3.8. Chị **D**, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

3.9. **HN**, sinh năm 2005 (xin vắng mặt)

3.10. **KH**, sinh năm 2016 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường P, Phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Người giám hộ của HNC và KN: Chị **D**, sinh năm 1980 (mẹ ruột của HN, KN).

3.11. **Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Vĩnh Long.** (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

3.12. **Văn phòng công chứng A** (xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường Đ, Phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan H, CH, HH, QH.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn QHT và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/8/2010, HTX có ký Hợp đồng tín dụng số 211/HĐTD-QHTPTHTX với QHT vay số tiền 4.000.000.000đ để mua mới tàu hàng khô trọng tải 1.410 tấn; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất trong hạn 0,48%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay, HTX đã thế chấp các tài sản gồm:

1. QSD đất và tài sản gắn liền trên đất diện tích 995m², thửa 71, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Khóm S, thị trấn H, tỉnh Vĩnh Long, theo Giấy chứng nhận QSD đất số V 806168 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 11/8/2003 cho hộ bà H theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010.

2. Tàu hàng khô 1.410 tấn (tài sản hình thành từ vốn vay) theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 212/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010. Đối với hợp đồng thế chấp này thì nguyên đơn chưa đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định, vì sau khi nguyên đơn chuyển tiền cho Công ty TNHH MTV PN (gọi tắt là Công ty PN) là đơn vị đã ký hợp đồng cung cấp phương tiện vận tải cho bị đơn thì Công ty PN đã chuyển tiền cho bà Đ để sử dụng mục đích khác, nên bị đơn không có mua tàu hàng khô 1.410 tấn. Sau khi ký hợp đồng, QHT đã giải ngân cho HTX số tiền 4.000.000.000đ vào tài khoản của Công ty PN là đơn vị đóng tàu.

Đến năm 2015, do có đơn tố giác tội phạm của bà H về việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích. Ông B là giám đốc HTX thừa nhận việc vay số tiền 4.000.000.000đ là vay dùm cho vợ chồng ông K, bà Đ. Ông K, bà Đ cũng thừa nhận có nhờ HTX vay dùm và đã nhận toàn bộ số tiền 4.000.000.000đ, nhưng sau đó đã thanh toán được số tiền gốc 822.223.000đ. Tại Biên bản làm việc của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long vào ngày 19/8/2015 thì ông K, bà Đ cam kết đến ngày 15/12/2015 sẽ trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 211 nêu trên. Tuy nhiên, ông K, bà Đ và HTX vẫn không thực hiện.

QHT đã thông báo nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn, ông K và bà Đ vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 18/12/2020, HTX còn nợ QHT số tiền gốc 3.177.777.000đ và lãi quá hạn 4.001.816.000đ, tổng cộng 7.179.593.000đ. Do đó, QHT khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc HTX cùng với ông K, bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho QHT số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử bằng số tiền là 7.179.593.000đ.

Trường hợp, HTX không trả hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bà H để thu hồi nợ cho QHT.

- Ông B đại diện theo pháp luật của bị đơn HTX trình bày:

Vào đầu năm 2010, ông Nguyễn H – Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh L có mời ông B đến làm việc với bà Đ – Chủ nhiệm HTX.TK. Qua đó, ông Nguyễn H và bà Đ

gợi ý nhờ HTX đứng tên vay dùm cho HTX.TK của bà Đ số tiền 4.000.000.000đ và bà Đ có trách nhiệm trả nợ vay cho QHT. Do vị nể ông Nguyễn H nên ông B đồng ý với điều kiện là bà Đ phải làm toàn bộ thủ tục vay và thế chấp tài sản.

Trên cơ sở đó, bà Đ đã đưa cho ông B ký nhiều văn bản để hợp thức hóa hồ sơ xin vay vốn, mục đích vay để mua mới sà lan vận chuyển hàng khô 1.410 tấn. Sau khi ông ký kết Hợp đồng tín dụng số 211/HĐTD-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010 thì QHT đã giải ngân 4.000.000.000đ cho HTX nhưng chuyển vào tài khoản của Công ty PN là đơn vị đóng tàu, sau đó bà Đ làm tờ hủy hợp đồng thuê đóng sà lan và nhận hết số tiền 4.000.000.000đ sử dụng vào mục đích kinh doanh xe. Đến tháng 10/2012, ông B nhận được thông báo nợ của QHT cho biết ông K, bà Đ chỉ thanh toán được khoản tiền 822.223.000đ và nhờ ông nhắc nhở hộ ông K, bà Đ trả nợ.

Đến năm 2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L mời làm việc. Qua làm việc đã xác định số tiền 4.000.000.000đ là do HTX đứng ra vay dùm cho ông K, bà Đ. Ông K, bà Đ cũng thừa nhận có nhờ HTX vay dùm và cam kết hoàn trả số tiền còn nợ cho QHT trong thời hạn 03 tháng, nhưng ông K và bà Đ vẫn không thực hiện. Do đó, ông B đại diện cho bị đơn không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn mà đề nghị ông K, bà Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ cho QHT.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm bà H, chị CH, HH, chị HH, anh QH và bà M đại diện theo ủy quyền của bà H, chị CH, chị HH, anh QH trình bày:

Ngày 12/8/2010, bà H đem tài sản của hộ gia đình là QSD đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 5, diện tích 995m², tọa lạc tại Khóm S, thị trấn H, huyện H thế chấp cho QHT theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền trên đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX, nhằm mục đích bảo lãnh cho HTX vay vốn tại QHT theo Hợp đồng tín dụng số 211/HĐTD-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010.

Về nguồn gốc thửa đất 71 là của vợ chồng bà H, ông Kh nhận chuyển nhượng của người khác. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà H và ông Kh có đơn xin đăng ký QSD đất và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ H ngày 11/8/2003. Ngày 06/01/2004, bà H và ông Kh ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 01/TTLH của Tòa án nhân dân thị xã L. Khi ly hôn, ông Kh và bà H có thỏa thuận chia một số tài sản nhưng QSD đất tại thửa 71 thì chưa có yêu cầu giải quyết.

Như vậy, QSD đất tại thửa 71 là tài sản chung của hộ gia đình nhưng bà H tự ý mang thế chấp cho QHT trộm mà chưa được sự đồng ý của các thành viên trong gia đình là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của CH, HH và QH. Do đó, bà H và các con của bà H yêu cầu vô hiệu Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 213 giữa bà H với QHT. Đồng thời, buộc QHT trả lại Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình bà H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K trình bày:

Ông K thừa nhận toàn bộ số tiền mà HTX vay của QHT 4.000.000.000đ là do ông sử dụng. Lý do, trước đây ông K và bà Đ là vợ chồng có ý định đóng mới xà lan để chở hàng nhưng không được vay tiền của QHT nên vợ chồng có nhờ ông B đại diện HTX vay dùm. Sau khi QHT chuyển tiền cho Công ty PN thì vợ chồng ông không có ý định đóng xà lan nữa nên đề nghị hủy hợp đồng. Sau khi hủy hợp đồng thì Công ty PN chuyển toàn bộ số tiền vào tài khoản của bà Đ và bà Đ rút tiền đưa cho ông sử dụng vào mục đích mua xe để kinh doanh riêng, nhưng hiện nay đã bán hết xe. Do đó, ông K đồng ý chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 211/HĐTD-QHTPTHX, ngày 12/8/2010 cho nguyên đơn.

- Bà M đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan N trình bày:

Do bà N là thông gia với bà H nên bà H có giới thiệu bà Đ và ông K đến để đóng tàu. Khi ký hợp đồng cung cấp phương tiện vận tải ngày 07/9/2010 thì bà N ký với bà Đ, ông K và không ký hợp đồng với HTX, vì bà N không biết ông B. Toàn bộ giấy tờ hợp đồng giữa bà N với HTX do bà Đ đưa cho bà N ký và khi ký không có xem nội dung.

Sau đó, bà Đ thông báo cho bà N là tiền bà Đ đã vay từ QHT đã chuyển vào tài khoản của Công ty PN. Đồng thời, bà Đ yêu cầu Công ty PN rút tiền đưa cho bà Đ mua sắt để đóng tàu. Công ty PN đồng ý nên đã ủy quyền cho bà Đ rút tiền vào ngày 23/9/2010 với số tiền là 500.000.000đ và ngày 24/9/2010 rút số tiền 3.500.000.000đ chuyển vào tài khoản của bà Đ. Do không thấy bà Đ mua sắt nên cùng ngày 24/9/2010, bà Đ và bà N lập tờ hủy hợp đồng đóng tàu do giá sắt lên cao và bà Đ viết giấy biên nhận có nhận của Công ty PN số tiền 4.000.000.000đ.

Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra mời làm việc thì bà N mới biết là do bà Đ lừa dối. Tuy nhiên, tại Cơ quan Điều tra thì ông K, bà Đ đã thừa nhận trách nhiệm trả nợ vay cho QHT nên bà N không có yêu cầu gì. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà N không có ý kiến, vì Công ty PN không có liên quan và đã giải thể kể từ ngày 20/01/2014.

- Ông Huỳnh Đ đại diện ủy quyền của HTX.TK trình bày:

HTX.TK không có ký bất kỳ hợp đồng vay nào với QHT. Hơn nữa, tại Giấy ủy quyền ngày 29/9/2010 thì ông B đại diện cho HTX đã ủy quyền cho ông K toàn quyền quyết định nguồn vốn vay từ QHT trợ nên các vấn đề liên quan đến nguồn vốn vay giữa QHT và HTX thì do ông K chịu trách nhiệm, HTX.TK không có liên quan gì trong vụ án này. Do đó, đề nghị Tòa án không đưa HTX.TK vào tham gia tố tụng.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2020/KDTM-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của QHT.

Buộc HTX, HTX.TK và ông K có nghĩa vụ liên đới (trong đó phần của ông K là 100%) hoàn trả cho QHT trợ các khoản gồm: tiền gốc 3.177.777.000đ, tiền lãi 4.001.816.000đ. Tổng cộng bằng 7.179.593.000đ. Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp HTX, HTX.TK và ông K không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì QHT có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà H nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng (ông Kh và bà H) là QSD đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 71, tờ bản đồ số 5, diện tích 995m², tọa lạc tại Khóm S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của QHT về việc yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010.

3. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 212/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010, giữa bên thế chấp là HTX với bên nhận thế chấp là QHT ngày 12/8/2010 là vô hiệu.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của các đương sự CH, HH và QH.

Tuyên bố Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010, giữa bên thế chấp bà H và bên nhận thế chấp QHT là vô hiệu từng phần đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Kh.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H, về việc yêu cầu vô hiệu toàn bộ Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010, giữa bên thế chấp bà H và bên nhận thế chấp QHT.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; án phí; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 29/12/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H, chị CH, chị HH, anh QH kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 995m², thửa 71, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Khóm S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long do H đại diện hộ gia đình đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất.

+ Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H, chị CH, chị HH, anh QH là tuyên vô hiệu Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010 giữa bà H với QHT. Buộc QHT trả lại cho bà H bản chính Giấy chứng nhận QSD đất số V 806168, vào sổ số 12384 QSDĐ/515 ngày 11/8/2003 của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ H.

- Ngày 31/12/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có Quyết định kháng nghị phúc thẩm Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2020/KDTM-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H với nội dung:

Thứ nhất, tại phần quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPHTX, ngày 12/8/2010 giữa bà H với QHT là không đúng. Vì tại đơn đăng ký QSD đất ngày 08/4/2003, bà H đăng ký kê khai hộ gia đình và thành viên trong hộ là ông Kh (chồng bà H). Ngoài ra, tại thời điểm đăng ký kê khai QSD đất năm 2003 thì hộ bà H gồm có chồng và các con là CH, HH, QH nên bà H thế chấp tài sản không được sự đồng ý của các thành viên là vi phạm Điều 109 Bộ luật dân sự năm 2005.

Hơn nữa, án sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPHTX, ngày 12/8/2010 vô hiệu từng phần đối với tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Kh, nhưng không xác định rõ phần giá trị tài sản của bà H trong khối tài sản chung của hộ và không tuyên quyền ưu tiên mua tài sản thế chấp của các thành viên khác theo như Án lệ số 11/2017/AL ngày 14/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên khác trong hộ gia đình, gây khó khăn trong việc thi hành án.

Thứ hai, án sơ thẩm xác định nghĩa vụ trả nợ của các đương sự chưa phù hợp. Vì hồ sơ vụ án thể hiện HTX đứng tên dự án vay vốn dùm cho HTX.TK. Tuy nhiên, án sơ thẩm căn cứ vào thừa nhận của ông K xác định đây là khoản nợ riêng của ông K và ông tự nguyện trả toàn bộ số nợ vay cho QHT để buộc ông K trả 100% khoản nợ vay là chưa phù hợp với các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chưa phù hợp với quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015 về việc HTX chuyển giao cho ông K thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho QHT phải được bên có quyền là QHT đồng ý.

Thứ ba, án sơ thẩm buộc đương sự nộp án phí chưa đúng quy định của pháp luật. Vì đây là vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại không có giá ngạch là 3.000.000đ, nhưng án sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu 300.000đ đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp không được chấp nhận là chưa đúng với quy định tại mục 1.2 mục A danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên, quyết định kháng nghị một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2020/KDTM-ST, ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm theo hướng phân tích trên.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

+ Bà M đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan H, CH, HH, QH trình bày:

Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan H, CH, HH, QH. Tuyên vô hiệu Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010 được ký kết giữa bà H với QHT. Buộc QHT trả lại cho bà H bản chính Giấy chứng nhận QSD đất do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ H ngày 11/8/2003 đối với phần đất diện tích 995m², thửa 71, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất xây dựng, tọa lạc tại Khóm S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Lý do, phần đất này bà H thế chấp cho bên nguyên đơn là tài sản của hộ gia đình bà H gồm có các thành viên là Kh (chồng bà H) và các con là CH, HH, QH.

+ Kiểm sát viên trình bày kháng nghị:

Viện kiểm sát bổ sung thêm về nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại không có giá ngạch đối với phần yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được Tòa án chấp nhận. Đồng thời, vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 31/12/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2020/KDTM-ST, ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L.

+ Ông Nguyễn XH đại diện của nguyên đơn trình bày:

Đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Phía nguyên đơn không chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại Hợp đồng thế chấp số 213 là hợp pháp, vì nguồn gốc tài sản thế chấp là của cá nhân bà H nhận chuyển nhượng từ người khác. Hơn nữa, tại thời điểm bà H và ông Kh ly hôn chia tài sản thì tài sản này không đưa vào để Tòa án giải quyết là vì tài sản riêng của bà H.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L:

Phía nguyên đơn yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản của bà H thế chấp để đảm bảo cho việc trả nợ. Ngoài ra, do kháng nghị của Viện Kiểm sát về nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc bị đơn HTX là người ký kết hợp đồng tín dụng số 221 phải có trách nhiệm trả nợ vốn lãi theo Hợp đồng tín dụng cho nguyên đơn và không đồng ý để ông K và HTX.TK liên đới trả nợ thay cho bị đơn HTX.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn HTX trình bày:

Theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa là buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ vay cho nguyên đơn là không phù hợp. Với lý do, tuy bị đơn HTX ký kết hợp đồng tín dụng với nguyên đơn QHT nhưng thực chất là vay dùm cho HTX.TK và các bên đều thừa số tiền vốn vay do bà Đ đại diện cho HTX.TK và ông K sử dụng vào mục đích kinh doanh xe. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Đ và ông K là người

thanh toán tiền gốc và lãi cho QHT, đồng thời tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L thì ông K cam kết thanh toán số nợ gốc và lãi cho QHT theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

+ *Bị đơn HTX có ông B đại diện trình bày:*

Thông nhất với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của HTX và bổ sung ý kiến là HTX đồng ý trả nợ vốn lãi vay cho QHT, còn ông K và bà Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn lãi vay này lại cho HTX để HTX trả cho QHT.

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan HTX.TK có ông Huỳnh Đ đại diện ủy quyền trình bày:*

HTX.TK không có ký kết hợp đồng vay với QHT. Tại Giấy ủy quyền ngày 29/9/2010 thì ông B đại diện cho HTX đã ủy quyền cho ông K toàn quyền quyết định nguồn vốn vay từ QHT nên các vấn đề liên quan đến nguồn vốn vay giữa QHT và HTX do ông K chịu trách nhiệm. Nên đề nghị Hội đồng xét xử loại trừ trách nhiệm trả nợ của HTX.TK có bà Đ là giám đốc đại diện của HTX.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

+ *Về tính hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo và Quyết định kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là đúng thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp luật định.

+ *Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ *Về nội dung giải quyết vụ án:* Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 31/12/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà H, chị CH, chị HH, anh QH. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2020/KDTM-ST, ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng 7.179.593.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với khoản tiền vay dùm 4.000.000.000đ giữa HTX, HTX.TK và ông K được giải quyết ở vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Trường hợp bị đơn chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa đầy đủ số tiền nợ phải trả cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi QSD đất và tài

sản gắn liền với đất thuộc thửa 71, tờ bản đồ số 5, diện tích 995m², tại Khóm S, thị trấn H, huyện H là tài sản chung của vợ chồng bà Hà, ông Kh trong đó một nửa giá trị tài sản phát mãi thuộc quyền sở hữu của bà H dùng để thi hành án, một nửa giá trị tài sản còn lại thuộc QSD của các đồng thừa kế của ông Kh. Ưu tiên cho bà H và các con là CH, HH QH được mua đất và tài sản trên đất để tiếp tục sử dụng nếu có nhu cầu.

Án sơ thẩm tuyên vô hiệu từng phần đối với tài sản thế chấp là chỉ chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà H và các con của bà H nên phải chịu một phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối phần yêu cầu không được chấp nhận mới phù hợp luật định. Về án phí, do sửa án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được điều chỉnh lại cho phù hợp.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp cần sửa lại là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Riêng các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn và nộp tiền tạm ứng án phí là đúng quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo và kháng nghị là hợp lệ được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

1.2. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Tại cấp phúc thẩm, các đương sự không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới và chưa thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vì vậy, trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Đối với kháng nghị về xác định nghĩa vụ trả nợ:

Các đương sự đều thừa nhận giữa nguyên đơn QHT và bị đơn HTX có ký kết Hợp đồng tín dụng số 211/HĐTD-QHTPTHX ngày 12/8/2010. Theo đó, bị đơn vay số tiền của nguyên đơn là 4.000.000.000đ; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất trong hạn 0,48%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay để đầu tư

mua mới 01 chiếc tàu hàng khô 1.410 tấn; kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 25 tây hàng tháng thỏa thuận trong Khế ước nhận nợ và thời gian ân hạn 03 tháng đầu.

Tại Khế ước nhận nợ số 275/KU-QHTPTHTX ngày 21/9/2010, HTX nhận số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 211 là 4.000.000.000đ; kỳ hạn trả nợ gốc mỗi kỳ trả ít nhất là 88.889.000đ và trả lãi hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền vốn là 822.223.000đ rồi ngưng trả vốn và lãi còn nợ lại theo hợp đồng. Tính đến ngày 31/8/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn gốc là 3.177.777.000đ và tiền lãi quá hạn là 3.230.891.000đ. Tổng cộng vốn lãi là 6.408.668.000đ.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là HTX.TK có bà Đ là giám đốc đại diện và ông K đều thừa nhận, do không đủ điều kiện vay vốn nên bà Đ, ông K nhờ HTX lập thủ tục vay dùm, đồng thời số tiền vốn vay do ông K sử dụng vào mục đích kinh doanh xe. Căn cứ vào thừa nhận này của đương sự, yêu cầu của nguyên đơn và nhằm giải quyết triệt để vụ án nên Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc HTX, HTX.TK và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số nợ vốn và lãi nêu trên trong đó phần của ông K 100% là chưa phù hợp.

Bởi lẽ, về nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Hợp đồng tín dụng thì bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay số tiền vốn và lãi theo thỏa thuận được quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn HTX, HTX.TK và ông K thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho ông K, nhưng chưa được sự đồng ý của bên cho vay là trái với quy định tại Điều 370 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ, nên đối với kháng nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp luật định. Vì vậy, sửa một phần Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ là buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 tổng cộng là 7.179.593.000đ, trong số tiền vốn gốc là 3.177.777.000đ và số tiền lãi là 4.001.816.000đ.

2.2. Đối với kháng cáo và kháng nghị về vô hiệu toàn bộ và vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp:

Các đương sự đều thừa nhận giữa nguyên đơn QHT (bên nhận thế chấp) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H (bên thế chấp) có ký kết Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền trên đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX ngày 12/8/2010. Theo đó, bà H thế chấp tài sản là QSD và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSD đất số V 806168 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ H ngày 11/8/2003, nhằm để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của HTX (bên vay vốn) đối với QHT (bên cho vay).

Theo Công văn số 01/CATT ngày 23/7/2020 của Công an thị trấn H (BL 228) thể hiện duy nhất chỉ có bà H đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà C, Khóm S, thị

trần H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ thửa đất thế chấp) và cấp sổ hộ khẩu ngày 14/5/2003 đến nay sổ hộ khẩu còn giá trị sử dụng.

Bà H có đơn đăng ký QSD đất đề ngày 08/4/2003 tại thửa 71 do nhận chuyển nhượng của người khác có ghi tên chồng là ông Kh và không có ghi tên thành viên hộ gia đình. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ H ngày 11/8/2003, thì chồng và các con của bà H không có trong hộ khẩu thường trú tại Khóm S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (thời điểm cấp sổ hộ khẩu ngày 14/5/2003), nên các thành viên trong hộ trong gia đình bà H là chồng và các con bà H chưa thỏa điều kiện hộ gia đình sử dụng đất quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013.

Như vậy, QSD đất tại thửa 71 mà bà H có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng bà H, ông Kh được quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Bà H và ông Kh ly hôn ngày 06/01/2004, nhưng tài sản chung là thửa đất 71 chưa có yêu cầu giải quyết. Đến ngày 12/8/2010, bà H thế chấp tài sản là QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 71, nhưng chưa có sự đồng ý của ông Kh là vi phạm nguyên tắc định đoạt tài sản chung của vợ chồng. Nên vô hiệu một phần Hợp đồng thế chấp số 213 đối với $\frac{1}{2}$ tài sản thế chấp (phần di sản của ông Kh) quy định tại Điều 122 và Điều 130 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, để bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba (bên nhận thế chấp) ngay tình khi ký kết hợp đồng thế chấp và hợp đồng có đăng ký giao dịch bảo đảm được quy định tại Điều 133 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nếu trường hợp HTX không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho QHT thì QHT có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bà H và các đồng hàng thừa kế di sản của ông Kh được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng $\frac{1}{2}$ tài sản thế chấp nếu có nhu cầu. Nếu bà H và các đồng hàng thừa kế không thỏa thuận được với bên nhận thế chấp hoặc không nhận chuyển nhượng thì bà H và các đồng hàng thừa kế được nhận lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản thế chấp theo định giá tại thời điểm bán đấu giá.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát. Sửa một phần Bản án sơ thẩm đối với phần xử lý hợp đồng thế chấp tài sản trong trường hợp bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho bên cho vay.

2.3. Đối với kháng nghị về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm tương ứng đối với phần yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp không được chấp nhận. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo phần yêu cầu vô hiệu toàn bộ hợp đồng thế chấp không được chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 26 và mức thu tại tiểu mục 1.2 mục 1 phần 2 Danh mục A Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên được chấp nhận.

[3] Đối với giao dịch vay dùm số tiền 4.000.000.000đ giữa HTX, HTX.TK và ông K mà các bên đều thừa nhận sẽ dành riêng cho các đương sự giải quyết ở vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ nên đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm và đương sự kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo luật định.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm tại chỗ: HTX phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm tại chỗ là 2.000.000đ. Do QHT đã nộp tạm ứng trước nên HTX có trách nhiệm hoàn lại cho QHT số tiền 2.000.000đ.

[6] Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chưa đủ cơ sở chấp nhận theo như đã nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H, chị CH, chị HH, anh QH.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2020/DS-ST, ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 92, 147, 148, 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 124, 130, 131, 133, 317, 318, 319, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn QHT và một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H, chị CH, chị HH, anh QH.

Tuyên bố vô hiệu một phần Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010 được ký kết giữa bà H (bên thế chấp) và QHT (bên nhận thế chấp) đối với ½ tài sản thế chấp là phần di sản của ông Kh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn QHT.

Buộc bị đơn HTX có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 tổng cộng là 7.179.593.000đ (Bảy tỷ, một trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng). Trong đó, số tiền vốn gốc là 3.177.777.000đ (Ba tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) và số tiền lãi là 4.001.816.000đ (Bốn tỷ, không trăm lẻ một triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng).

Trường hợp HTX không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ trên cho QHT thì QHT có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 71, tờ bản đồ số 5, diện tích 995m², tọa lạc tại khóm S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 213/HĐTC-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010.

Bà H và các đồng hàng thừa kế $\frac{1}{2}$ di sản của ông Kh được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng $\frac{1}{2}$ tài sản thế chấp nếu có nhu cầu. Nếu bà H và các đồng hàng thừa kế không thỏa thuận được với bên nhận thế chấp hoặc không nhận chuyển nhượng thì bà H và các đồng hàng thừa kế được nhận lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản thế chấp theo định giá tại thời điểm bán đấu giá.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc HTX có trách nhiệm trả hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét, thẩm tại chỗ là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

4.1. Buộc QHT phải nộp 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại không có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 57.204.000đ (Năm mươi bảy triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004927, ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, nên hoàn trả lại cho QHT số tiền là 55.704.000đ (Năm mươi lăm triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng).

4.2. Buộc HTX phải nộp 115.180.000đ (một trăm mười lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch.

4.3. Buộc bà H, chị CH, chị HH, anh QH mỗi người phải nộp 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại không có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền mà mỗi người đã tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo các biên lai thu số 0005228, 0005229, 0005230, 0005231 cùng ngày 19/02/2020 và số tiền mà mỗi người đã tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo các biên lai thu số 0005948, 00055949, 0005950, 0005951 cùng ngày 29/12/2020 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, nên hoàn trả lại cho mỗi người số tiền 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Riêng các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Dành riêng cho HTX, HTX.TK và ông K giải quyết ở vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu đối với giao dịch vay dùm số tiền 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) theo quy định của pháp luật.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/12/2020 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn (bên vay) còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn tương trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 211/HĐTD-QHTPTHTX, ngày 12/8/2010.

7.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền phải trả về chi phí tố tụng thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

7.3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND TP L;
- CC THADS TP L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa